

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2020/HS-ST

Ngày: 23-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn;

2. Ông Trương Minh Thọ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2020/HSST-QĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Xuân L**, tên gọi khác: **T**; sinh ngày 18 tháng 3 năm 1985, tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: 32 đường N, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: 44 đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. *(Có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; Nơi cư trú: 11/8 đường K, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; *(Vắng mặt)*

2. Bà Đào Thị T2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: 54/2 đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; *(Vắng mặt)*

3. Chị Kon Sơ Sô N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ môi giới bất động sản, Nguyễn Đình Xuân L thường cho những người quen biết vay tiền với mức lãi suất từ 10% đến 20%/tháng nhằm thu lợi bất chính và ghi chú nội dung vay trên chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 8 Plus của L. Việc giao nhận tiền vay, tiền trả lãi và gốc được L và những người vay thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2020, L đã cho 03 người vay tiền tại địa bàn thành phố Đ và huyện L, tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Bà Nguyễn Thị T1 vay của L 03 lần, cụ thể :

- Lần thứ 1: Ngày 12/10/2016, bà T1 vay 3.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân với mức lãi suất 15%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 450.000 đồng. Bà T1 đã thanh toán cho L 24 tháng tiền lãi với số tiền là 10.800.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc. Từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2018, L được bà T1 thanh toán tiền lãi cho L là 4.500.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 20/11/2018, bà T1 vay 30.000.000 đồng và nhập chung với nợ gốc lần thứ 1 chưa trả là 33.000.000 đồng, với mức lãi suất 15%/tháng, mỗi tháng trả lãi 5.000.000 đồng. Bà T1 đã thanh toán cho L 03 tháng tiền lãi cho L là 15.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền gốc, số tiền L thu lợi bất chính là 13.350.000 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 03/01/2019, bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng và nhập chung với nợ gốc lần thứ 1, lần thứ 2 chưa trả là 53.000.000 đồng với mức lãi suất 15%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 8.000.000 đồng. Bà T1 đã thanh toán 02 tháng tiền lãi cho L là 16.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền gốc, số tiền L thu lợi bất chính là 14.233.333 đồng

Tổng số tiền L sử dụng cho bà Nguyễn Thị T1 vay 03 lần là 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng và thu lợi bất chính từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2019 là 31.583.333 (ba mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

2. Bà Đào Thị T2 vay của L 03 lần, cụ thể :

- Lần thứ 1: Khoảng tháng 2/2018, bà T2 vay của L 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 2.000.000 đồng. Bà T2 đã thanh toán cho L 02 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc, số tiền L thu lợi bất chính là 3.666.667 đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng tháng 5/2018, bà T2 vay tiếp của L 10.000.000 đồng, nhập chung với nợ gốc lần thứ 1 chưa trả là 20.000.000 đồng với mức lãi suất 15%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 3.000.000 đồng. Bà T2 đã thanh toán tiền lãi cho L từ tháng 6/2018 đến

5/2019 (12 tháng) với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc, số tiền L thu lợi bất chính là 32.000.000 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 06/05/2019, bà T2 vay tiếp của L 10.000.000 đồng, nhập chung với nợ gốc lần thứ 1 và lần thứ 2 chưa trả là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất là 15%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 4.500.000 đồng. Bà T2 đã thanh toán tiền lãi tháng 6 và tháng 7/2019 với số tiền là 9.000.000 đồng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019, L và bà T2 thỏa thuận giảm mức lãi suất xuống còn 10%/ tháng, bà T2 đã thanh toán 04 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc, số tiền L thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng

Tổng số tiền L sử dụng cho bà Đào Thị T2 vay 03 lần là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và thu lợi bất chính số tiền là 53.666.667 (năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

3. Chị Kon Sơ Sô N vay của L 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 16/03/2020, chị N vay của L số tiền 235.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 15%/tháng). Đến ngày 19/03/2020, chị N đã thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho L là 239.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 235.000.000 đồng và tiền lãi trong 04 ngày là 4.700.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 4.177.778 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 17/03/2020, chị N vay tiếp của L số tiền 350.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 15%/tháng). Đến ngày 23/03/2020, chị N đã thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho L là 362.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi trong 07 ngày là 12.250.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 10.888.889 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 19/03/2020, chị N vay tiếp của L số tiền là 100.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 15%/tháng). Đến ngày 01/04/2020, chị N thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho L là 107.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong 14 ngày là 7.000.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 6.222.222 đồng

Tổng số tiền L sử dụng cho chị Kon Sơ Sô N vay là 685.000.000 (sáu trăm tám mươi lăm triệu) đồng và thu lợi bất chính số tiền là 21.288.889 (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Ngày 04/5/2020, bà T1, bà T2 và chị N trình báo hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Đình Xuân L đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt. Cơ quan điều tra triệu tập L làm việc, L đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Đình Xuân L về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì

thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kon Sơ Sô N trình bày thống nhất với lời khai của bị cáo L về số tiền gốc mà chị đã vay của bị cáo L 03 lần, mức lãi suất cho vay, thời hạn vay và số tiền gốc cùng lãi mà chị đã trả cho bị cáo L và giống nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã công bố tại phiên tòa; chị N không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đình Xuân L về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 01/10/2020 và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Xuân L từ 06-09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo L số tiền từ 30.000.000 đồng – 40.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo L phải trả lại khoản tiền lãi vượt quá quy định, cụ thể: trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 31.583.333 đồng, trả lại cho bà Đào Thị T2 số tiền 53.666.667 đồng, trả lại cho chị Kon Sơ N số tiền 21.288.889 đồng.

Buộc bị cáo L nộp lại số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu là 13.911.111 đồng, số tiền gốc bị cáo L sử dụng cho chị Kon Sơ N vay là 685.000.000 đồng là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc bà Nguyễn Thị T1 và bà Đào Thị T2 vay của bị cáo L nhưng chưa trả, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc bà T1 và bà T2 phải nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể buộc bà T1 phải nộp lại số tiền nợ gốc là 53.000.000 đồng, bà T2 phải nộp lại số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus màu hồng của bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội; Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 giấy có nội dung Kon Sơ Sô N vay tiền của Nguyễn Đình Xuân L ghi ngày 17/03/2020; 19/03/2020; 16/03/2020 là tang vật của vụ án.

Bị cáo và chị N không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Từ tháng 02/2018 đến tháng 03/2020, trên địa bàn thành phố Đ và huyện L, bị cáo Nguyễn Đình Xuân L đã thực hiện hành vi cho bà Nguyễn Thị T1, bà Đào Thị T2 và chị Kon Sơ Sô N vay tiền với mức lãi suất giao động từ 10%/ tháng đến 20%/tháng tương ứng từ 120%/ năm đến 240%/ năm, cao hơn mức lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự từ 06 đến 12 lần, với tổng số tiền bị cáo sử dụng để cho 03 người vay nói trên là 768.000.000 (*bảy trăm sáu mươi tám triệu*) đồng và thu lợi bất chính tổng số tiền là 106.538.889 (*một trăm lẻ sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín*) đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình Xuân L thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị T1 vay của bị cáo L số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng ngày 12/10/2016, với lãi suất 15%/tháng và thu lãi từ thời điểm vay đến tháng 10/2018. Quá trình điều tra xác định đây là khoản vay với mục đích tiêu dùng, không có tính chất bóc lột nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt không xử lý hình sự đối với bị cáo L về lãi suất của khoản vay này từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2017 là đúng quy định và đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đình Xuân L còn khai nhận có cho một số người tên T3 (son nước), N, L, Lê Minh V, Nguyễn Minh Đ, Phan Nguyễn Sơn L vay tiền nhưng L không biết nhân thân lai lịch, do đó Cơ quan điều tra chưa xác minh và

làm việc được với những người vay tiền này nên chưa có cơ sở để xử lý đối với bị cáo L về những lần cho vay này là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy hiện nay, hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng tới lợi ích của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền gốc mà chị Kon Sơ Sô N vay và đã trả lại cho bị cáo L là 685.000.000 (*sáu trăm tám mươi lăm triệu*) đồng; số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của bà Nguyễn Thị T1, bà Đào Thị T2 và của chị Kon Sơ Sô N tổng cộng là 13.911.111 (*mười ba triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười một*) đồng, xét thấy đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo L nộp lại toàn bộ số tiền này, tổng cộng là 698.911.111 (*sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười một nghìn một trăm mười một*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp nên bị cáo còn phải nộp lại số tiền 648.911.111 (*sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười một nghìn một trăm mười một*) đồng.

[7.2]. Đối với số tiền gốc mà bà Nguyễn Thị T1 và bà Đào Thị T2 vay của bị cáo L nhưng chưa trả. Xét thấy số tiền này là phương tiện bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội nên

buộc bà Nguyễn Thị T1 phải nộp lại số tiền vay gốc là 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng, bà Đào Thị T2 phải nộp lại số tiền vay gốc là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7.3]. Buộc bị cáo L phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính là khoản tiền lãi vượt quá quy định, cụ thể: trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 31.583.333 (ba mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trả lại cho bà Đào Thị T2 số tiền 53.666.667 (năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; trả lại cho chị Kon Sơ Sô N số tiền 21.288.889 (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus màu hồng – Imei: 356109090818179 là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 tờ giấy kê ngang, nội dung Kon Sơ Sô N có nhận tiền của Nguyễn Đình Xuân L vào ngày 17/03/2020; 01 tờ giấy kê ngang nội dung Nguyễn Đình Xuân L gửi tiền cho Kon Sơ Sô N với lãi suất 5.000đ/ngày/triệu vào ngày 19/03/2020; 01 giấy vở học sinh, nội dung ngày 16/03/2020 Kon Sơ Sô N có nhận tiền của Nguyễn Đình Xuân L, lãi suất 15 triệu/ngày/5 ngàn/ triệu là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình Xuân L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đình Xuân L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2020. Phạt bổ sung Nguyễn Đình Xuân L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình Xuân L nộp lại số tiền 685.000.000 (sáu trăm tám mươi lăm triệu) đồng là tiền bị cáo L sử dụng vào việc cho chị Kon Sơ Sô N vay và 13.911.111 (mười ba triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười một) đồng là tiền lãi hợp pháp bị cáo đã nhận, tổng cộng là 698.911.111 (sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười một nghìn một trăm mười một) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng gia đình bị cáo L đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001510 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên bị cáo L còn phải nộp lại số tiền 648.911.111 (sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười một nghìn một trăm mười một) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải nộp lại số tiền là 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng, buộc bà Đào Thị T2 phải nộp lại số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đã vay của bị cáo L chưa trả để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình Xuân L có trách nhiệm trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 31.583.333 (ba mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trả lại cho bà Đào Thị T2 số tiền 53.666.667 (năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; trả lại cho chị Kon Sơ Sô N số tiền 21.288.889 (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 8 Plus màu hồng – Imei: 356109090818179. (Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy kê ngang nội dung Nguyễn Đình Xuân L gửi tiền cho Kon Sơ Sô N với lãi suất 5.000đ/ngày/triệu vào ngày 19/03/2020 (BL 264); 01 tờ giấy kê ngang, nội dung Kon Sơ Sô N có nhận tiền của Nguyễn Đình Xuân L vào ngày 17/03/2020 (BL265); 01 giấy vờ học sinh, nội dung ngày 16/03/2020 Kon Sơ Sô N có nhận tiền của Nguyễn Đình Xuân L, lãi suất 15 triệu/ngày/5 ngàn/ triệu (BL266).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Kon Sơ Sô N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T1, bà T2 vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên